

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

Số: 156/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 30 tháng 9 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TÁM (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH15 ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1828/QĐ-BNN-VPĐP ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Chương trình truyền thông phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt khung chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1771/QĐ-BTC ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán bổ sung có mục tiêu kinh phí sự nghiệp từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương năm 2022 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 2081/TTr-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 185/BC-HĐND ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022, cụ thể như sau:

Tổng vốn sự nghiệp phân bổ:	279.008 triệu đồng
- Ngân sách Trung ương:	74.930 triệu đồng
- Ngân sách địa phương:	204.078 triệu đồng
Gồm:	
+ Ngân sách cấp tỉnh (nguồn Sự nghiệp kinh tế giao đầu năm 2022):	15.840 triệu đồng
+ Ngân sách huyện lồng ghép:	188.238 triệu đồng

(Kèm theo các Phụ lục)

Ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ một phần cho địa phương theo nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn của mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

Các huyện, thị xã, thành phố và các xã chủ động bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện hoàn thành các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Tám (chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 9 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



Phụ lục 01

**BẢNG TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng	NSTW	NSDP	Trong đó	
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
	TỔNG CỘNG	279.008	74.930	204.078	15.840	188.238
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa	24.235	19.114	5.121		5.121
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	23.235	18.114	5.121		5.121
	Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa	1.000	1.000			
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	112.990	39.410	73.580	15.840	57.740
	Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện	11.925		11.925		11.925
	Nội dung 09: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính	200		200		200
	Duy tu, bảo dưỡng	100.255	39.410	60.845	15.840	45.005
	Nội dung 11: Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn	610		610		610
3	Nội dung thành phần số 03: triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...	33.967	7.550	26.417		26.417
	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.	24.163		24.163		24.163
	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.	6.600	6.550	50		50
	Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	1.045	1.000	45		45
	Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hóa hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó, ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường.	470		470		470
	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	90		90		90
	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn.	1.599		1.599		1.599
4	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.	63.650		63.650		63.650



	Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.	60.817		60.817	60.817
	Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	2.833		2.833	2.833
5	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.	7.081		7.081	7.081
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.	6.901		6.901	6.901
	Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.	180		180	180
6	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam.	16.066		16.066	16.066
	Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh;	7.354		7.354	7.354
	Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa;	1.415		1.415	1.415
	Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên;	6.436		6.436	6.436
	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;	841		841	841
	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình;	10		10	10
	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025".	10		10	10
7	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong Nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng Nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.	2.977		2.977	2.977
	Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.	2.857		2.857	2.857

	Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn.	40		40	40
	Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	80		80	80
8	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới.	225		225	225
	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng Nông thôn mới; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng Nông thôn mới; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng Nông thôn mới	63		63	63
	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”	36		36	36
	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”	36		36	36
	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng Nông thôn mới	90		90	90
9	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.	8.731		8.731	8.731
	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;	1.522		1.522	1.522
	Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao.	7.209		7.209	7.209
10	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới.	9.086	8.856	230	230
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;	4.562	4.334	230	230
	Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới	950	950		
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng Nông thôn mới	3.574	3.572		



PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)



Phụ lục 02

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng Chương trình			Nội dung thành phần số 01: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH			Nội dung thành phần số 02: PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			Nội dung thành phần số 03: TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN			Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)			Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất (Hỗ trợ tập huấn HTX)		
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng (I+II)	90.770	74.930	15.840	19.114	19.114		55.250	39.410	15.840	7.550	7.550		6.550	6.550		1.000	1.000	
I	Các huyện, thị xã, thành phố	88.611	72.771	15.840	19.114	19.114		55.250	39.410	15.840	6.367	6.367		5.817	5.817		550	550	
1	Huyện Kbang	6.845	6.845		1.850	1.850		4.051	4.051		249	249		249	249				
2	Huyện Ia Pa	6.026	6.026		2.753	2.753		2.763	2.763		115	115		115	115				
3	Huyện Kông Chro	2.684	2.684		745	745		1.289	1.289		185	185		135	135		50	50	
4	Huyện Krông Pa	2.060	2.060					1.105	1.105		460	460		410	410		50	50	
5	Huyện Chư Prông	16.267	15.160	1.107	3.005	3.005		11.971	10.864	1.107	646	646		596	596		50	50	
6	Huyện Chư Păh	6.664	6.664		1.872	1.872		4.052	4.052		270	270		270	270				
7	Huyện Chư Sê	3.622	3.622					2.763	2.763		289	289		239	239		50	50	
8	Huyện Chư Puh	3.016	3.016		500	500		2.026	2.026		100	100		50	50		50	50	
9	Huyện Đak Đoa	8.631	8.631		1.610	1.610		5.709	5.709		662	662		612	612		50	50	
10	Huyện Đức Cơ	5.465	5.465					4.788	4.788		312	312		312	312				
11	Huyện Đak Pơ	2.412	570	1.842				1.842		1.842	115	115		65	65		50	50	
12	Huyện Phú Thiện	6.517	4.123	2.394	3.152	3.152		2.394		2.394	526	526		476	476		50	50	
13	Huyện Ia Grai	5.717	929	4.788				4.788		4.788	409	409		359	359		50	50	
14	Huyện Mang Yang	5.367	2.789	2.578	1.415	1.415		2.578		2.578	959	959		909	909		50	50	
15	Thành phố Pleiku	2.391	918	1.473				1.473		1.473	548	548		498	498		50	50	
16	Thị xã An Khê	2.422	1.501	921	916	916		921		921	290	290		290	290				
17	Thị xã Ayun Pa	2.505	1.768	737	1.296	1.296		737		737	232	232		232	232				
II	Ban chỉ đạo cấp tỉnh	2.159	2.159								1.183	1.183		733	733		450	450	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	200	200								150	150					150	150	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	30																
3	Sở Tài chính	25	25																
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7	7																
5	Sở Công thương	317	317																
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	7	7								310	310		310	310				



STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng Chương trình			Nội dung thành phần số 01: NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THEO QUY HOẠCH			Nội dung thành phần số 02: PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI			Nội dung thành phần số 03: TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP, PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN								
								Duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã			Tổng cộng			Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)			Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất (Hỗ trợ tập huấn HTX)		
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh												
7	Sở Tư pháp	7	7																
8	Sở Khoa học và Công nghệ	7	7																
9	Sở Xây dựng	7	7																
10	Sở Giao thông vận tải	7	7																
11	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	7	7																
12	Sở Y tế	7	7																
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	7																
14	Sở Nội vụ	7	7																
15	Sở Thông tin và Truyền thông	7	7																
16	Ban Dân tộc	7	7																
17	Công an tỉnh	7	7																
18	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	7	7																
19	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	277	277																
20	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	307	307																
21	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	137	137								300	300					300	300	
22	Tỉnh đoàn	7	7																
23	Kho bạc Nhà nước tỉnh	7	7																
24	Hội Cựu chiến binh tỉnh	7	7																
25	Hội Nông dân tỉnh	7	7																
26	Cục Thống kê tỉnh	7	7																
27	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	7	7																
28	Văn phòng UBND tỉnh	11	11																
29	Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh	715	715								423	423		423	423				



		Nội dung thành phần số 11: TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI														
STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí quản lý ban chỉ đạo các cấp)			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm mẫu nước đánh giá chỉ tiêu 17.1 trong BTC xã NTM và 18.1 trong BTC xã NTM nâng cao)			Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp (Hỗ trợ kinh phí tập huấn NTM)			Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông (Hỗ trợ thực hiện các nội dung trong Chương trình truyền thông)		
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh
A	B	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
	Tổng (I+II)	8.856	8.856		3.934	3.934		400	400		950	950		3.572	3.572	
I	Các huyện, thị xã, thành phố	7.880	7.880		3.650	3.650		400	400		850	850		2.980	2.980	
1	Huyện Kbang	695	695		285	285		120	120		50	50		240	240	
2	Huyện Ia Pa	395	395		180	180		20	20		50	50		145	145	
3	Huyện Kông Chro	465	465		235	235					50	50		180	180	
4	Huyện Krông Pa	495	495		240	240		20	20		50	50		185	185	
5	Huyện Chư Prông	645	645		330	330		20	20		50	50		245	245	
6	Huyện Chư Păh	470	470		225	225		20	20		50	50		175	175	
7	Huyện Chư Sê	570	570		275	275		20	20		50	50		225	225	
8	Huyện Chư Puh	390	390		180	180					50	50		160	160	
9	Huyện Đak Đoa	650	650		310	310		40	40		50	50		250	250	
10	Huyện Đức Cơ	365	365		175	175					50	50		140	140	
11	Huyện Đak Pơ	455	455		180	180		60	60		50	50		165	165	
12	Huyện Phú Thiện	445	445		200	200		20	20		50	50		175	175	
13	Huyện Ia Grai	520	520		245	245		20	20		50	50		205	205	
14	Huyện Mang Yang	415	415		205	205					50	50		160	160	
15	Thành phố Pleiku	370	370		165	165		20	20		50	50		135	135	
16	Thị xã An Khê	295	295		120	120		20	20		50	50		105	105	
17	Thị xã Ayun Pa	240	240		100	100					50	50		90	90	
II	Ban chỉ đạo cấp tỉnh	976	976		284	284					100	100		592	592	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50	50		50	50										
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	30		30	30										
3	Sở Tài chính	25	25		25	25										
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	7	7		7	7										
5	Sở Công thương	7	7		7	7										
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	7	7		7	7										



STT		Địa bàn, đơn vị	Nội dung thành phần số 11: TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI														
			Tổng cộng			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí quản lý ban chỉ đạo các cấp)			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm mẫu nước đánh giá chỉ tiêu 17.1 trong BTC xã NTM và 18.1 trong BTC xã NTM nâng cao)			Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp (Hỗ trợ kinh phí tập huấn NTM)			Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông (Hỗ trợ thực hiện các nội dung trong Chương trình truyền thông)		
			Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh
7	Sở Tư pháp		7	7		7	7										
8	Sở Khoa học và Công nghệ		7	7		7	7										
9	Sở Xây dựng		7	7		7	7										
10	Sở Giao thông vận tải		7	7		7	7										
11	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch		7	7		7	7										
12	Sở Y tế		7	7		7	7										
13	Sở Giáo dục và Đào tạo		7	7		7	7										
14	Sở Nội vụ		7	7		7	7										
15	Sở Thông tin và Truyền thông		7	7		7	7										
16	Ban Dân tộc		7	7		7	7										
17	Công an tỉnh		7	7		7	7										
18	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh		7	7		7	7										
19	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh		277	277		7	7								270	270	
20	Liên minh Hợp tác xã tỉnh		7	7		7	7										
21	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh		137	137		7	7								130	130	
22	Tỉnh đoàn		7	7		7	7										
23	Kho bạc Nhà nước tỉnh		7	7		7	7										
24	Hội Cựu chiến binh tỉnh		7	7		7	7										
25	Hội Nông dân tỉnh		7	7		7	7										
26	Cục Thống kê tỉnh		7	7		7	7										
27	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh		7	7		7	7										
28	Văn phòng UBND tỉnh		11	11		11	11										
29	Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh		292	292								100	100		192	192	



Nội dung thành phần số 01:
NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
THEO QUY HOẠCH

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng	NS Trung ương	NS cấp tỉnh
	Tổng cộng	19.114	19.114	
1	Huyện Kbang	1.850	1.850	
2	Huyện Ia Pa	2.753	2.753	
3	Huyện Kông Chro	745	745	
4	Huyện Krông Pa			
5	Huyện Chư Prông	3.005	3.005	
6	Huyện Chư Păh	1.872	1.872	
7	Huyện Chư Sê			
8	Huyện Chư Puh	500	500	
9	Huyện Đak Đoa	1.610	1.610	
10	Huyện Đức Cơ			
11	Huyện Đăk Pơ			
12	Huyện Phú Thiện	3.152	3.152	
13	Huyện Ia Grai			
14	Huyện Mang Yang	1.415	1.415	
15	Thành phố Pleiku			
16	Thị xã An Khê	916	916	
17	Thị xã Ayun Pa	1.296	1.296	



Nội dung thành phần số 02:
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa bàn, đơn vị	Duy tu, bảo dưỡng, vận hành các công trình sau đầu tư trên địa bàn xã		
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh
	Tổng	55.250	39.410	15.840
1	Huyện Kbang	4.051	4.051	
2	Huyện Ia Pa	2.763	2.763	
3	Huyện Kông Chro	1.289	1.289	
4	Huyện Krông Pa	1.105	1.105	
5	Huyện Chư Prông	11.971	10.864	1.107
6	Huyện Chư Păh	4.052	4.052	
7	Huyện Chư Sê	2.763	2.763	
8	Huyện Chư Pưh	2.026	2.026	
9	Huyện Đak Đoa	5.709	5.709	
10	Huyện Đức Cơ	4.788	4.788	
11	Huyện Đăk Pơ	1.842		1.842
12	Huyện Phú Thiện	2.394		2.394
13	Huyện Ia Grai	4.788		4.788
14	Huyện Mang Yang	2.578		2.578
15	Thành phố Pleiku	1.473		1.473
16	Thị xã An Khê	921		921
17	Thị xã Ayun Pa	737		737



Nội dung thành phần số 03:
TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CƠ CẤU LẠI NGÀNH NÔNG NGHIỆP,
PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN
(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng			Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)			Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất (Hỗ trợ tập huấn HTX)		
		Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh	Tổng cộng	NSTW	NS cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng (I+II)	7.550	7.550		6.550	6.550		1.000	1.000	
I	Các huyện, thị xã, thành phố	6.367	6.367		5.817	5.817		550	550	
1	Huyện Kbang	249	249		249	249				
2	Huyện Ia Pa	115	115		115	115				
3	Huyện Kông Chro	185	185		135	135		50	50	
4	Huyện Krông Pa	460	460		410	410		50	50	
5	Huyện Chư Prông	646	646		596	596		50	50	
6	Huyện Chư Păh	270	270		270	270				
7	Huyện Chư Sê	289	289		239	239		50	50	
8	Huyện Chư Pưh	100	100		50	50		50	50	
9	Huyện Đak Đoa	662	662		612	612		50	50	
10	Huyện Đức Cơ	312	312		312	312				
11	Huyện Đăk Pơ	115	115		65	65		50	50	
12	Huyện Phú Thiện	526	526		476	476		50	50	
13	Huyện Ia Grai	409	409		359	359		50	50	
14	Huyện Mang Yang	959	959		909	909		50	50	
15	Thành phố Pleiku	548	548		498	498		50	50	
16	Thị xã An Khê	290	290		290	290				
17	Thị xã Ayun Pa	232	232		232	232				
II	Ban chỉ đạo cấp tỉnh	1.183	1.183		733	733		450	450	
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	150	150					150	150	
2	Sở Công thương	310	310		310	310				
3	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	300	300					300	300	
4	Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh	423	423		423	423				

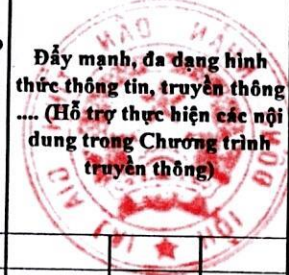
**TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH; NÂNG CAO NĂNG LỰC, TRUYỀN THÔNG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI; THỰC HIỆN PHONG TRÀO THI ĐUA CẢ NƯỚC CHUNG SỨC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]



STT	Địa bàn, đơn vị	Tổng cộng			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí quản lý ban chỉ đạo các cấp)		Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm mẫu nước đánh giá chỉ tiêu 17.1 trong BTC xã NTM và 18.1 trong BTC xã NTM nâng cao)			Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp (Hỗ trợ kinh phí tập huấn NTM)			Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông (Hỗ trợ thực hiện các nội dung trong Chương trình truyền thông)		
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	30	30		30	30									
3	Sở Tài chính	25	25		25	25									
4	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	7	7		7	7									
5	Sở Công thương	7	7		7	7									
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	7	7		7	7									
7	Sở Tư pháp	7	7		7	7									
8	Sở Khoa học và Công nghệ	7	7		7	7									
9	Sở Xây dựng	7	7		7	7									
10	Sở Giao thông vận tải	7	7		7	7									
11	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	7	7		7	7									
12	Sở Y tế	7	7		7	7									
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	7	7		7	7									
14	Sở Nội vụ	7	7		7	7									
15	Sở Thông tin và Truyền thông	7	7		7	7									
16	Ban dân tộc	7	7		7	7									
17	Công an tỉnh	7	7		7	7									
18	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	7	7		7	7									
19	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	277	277		7	7							270	270	
20	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	7	7		7	7									
21	Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh	137	137		7	7							130	130	
22	Tỉnh đoàn	7	7		7	7									
23	Kho bạc Nhà nước tỉnh	7	7		7	7									
24	Hội Cựu chiến binh tỉnh	7	7		7	7									
25	Hội Nông dân tỉnh	7	7		7	7									







STT - Địa bàn, đơn vị		Tổng cộng			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí quản lý ban chỉ đạo các cấp)			Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình (Hỗ trợ kinh phí kiểm nghiệm mẫu nước đánh giá chỉ tiêu 17.1 trong BTC xã NTM và 18.1 trong BTC xã NTM nâng cao)			Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp (Hỗ trợ kinh phí tập huấn NTM)			Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông (Hỗ trợ thực hiện các nội dung trong Chương trình truyền thông)		
26	Cục Thống kê tỉnh	7	7		7	7										
27	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	7	7		7	7										
28	Văn phòng UBND tỉnh	11	11		11	11										
29	Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh	292	292								100	100		192	192	

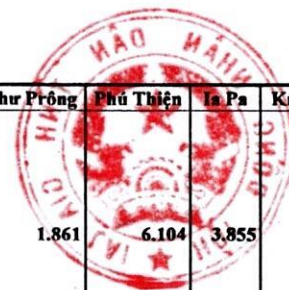


**KINH PHÍ SỰ NGHIỆP ĐỐI ỨNG CỦA CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số 156/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

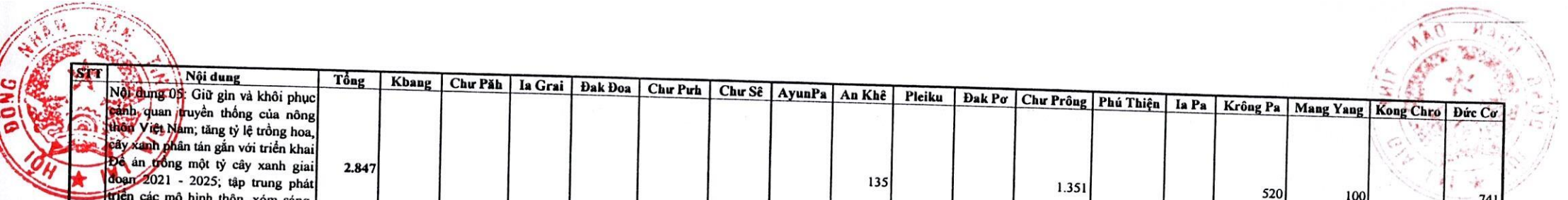
STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	TỔNG CỘNG	188.239	10.871	5.000	15.786	15.767	1.400	5.058	2.952	8.913	2.440	10.688	19.142	22.090	10.957	16.459	9.842	8.620	22.253
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa	7.491					620	247				1.781	840				2.550	1.187	266
	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	7.491					620	247				1.781	840				2.550	1.187	266
	Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa																		
2	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	17.485	931	800	2.262	805				2.410		800	2.250	532	2.930	2.345	90	430	900
	Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện	13.995	931	800	2.262	195				2.050		800		532	2.930	2.345	20	430	700
	Nội dung 09: Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính	2.880								360			2.250				70		200
	Nội dung 11: Phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn	610				610													



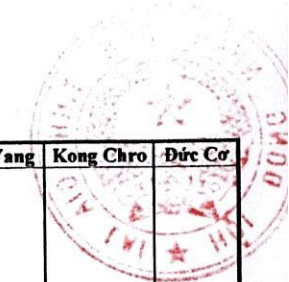
STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phủ Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
3	Nội dung thành phần số 03: Triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn...	31.619	2.630	1.500	1.582	900	780			450	1.022	686	1.861	6.104	3.855	4.367	847	1.396	3.639
	Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp.	28.092	2.230	1.500	600	900	780				1.022	686	1.420	6.104	3.523	4.367	650	1.396	2.914
	Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị.	50																	50
	Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất	555								450					60				45
	Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường	742	400		70										272				
	Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	140															50		90

STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phủ Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn	2.040			912								441				147		540
4	Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn.	42.669				2.345		2.691		537		3.700	10.089	8.770		6.300		1.867	6.370
	Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi.	39.836				2.000		2.691		537		3.700	10.089	8.770		6.300		1.867	3.882
	Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	2.833				345													2.488
5	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.	8.662				5.357		275		900			450				231		1.449
	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống	7.282				5.357		275					180				201		1.269

STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Dak Doa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Dak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng, miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.	1.380								900			270				30		180
6	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	10.759	10		3.262	560				135		1.581	1.351	960	149	1.025	985		741
	Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh	6.152			2.397	560						1.581		960	149	505			
	Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa	1.365			605												760		
	Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên	300			250												50		
	Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch	75															75		

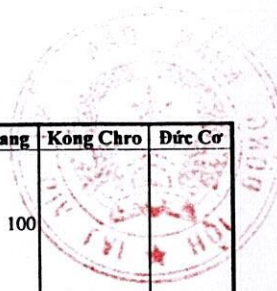


STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu	2.847								135			1.351			520	100		741
	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình	10	10																
	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”	10			10														
7	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong Nông thôn mới, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng Nông thôn mới thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới	3.007															110	2.740	157
	Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công; gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn	2.857																2.740	117



STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Ia Grai	Đak Doa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng Nông thôn mới, hướng tới Nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025																		
	Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn	120															80		40
	Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý																		
	Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội	30															30		
8	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng Nông thôn mới	613												108			280		225
	Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh"; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng Nông thôn mới; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng Nông thôn mới; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng Nông thôn mới	83															20		63
	Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào "Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững"; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc "5 tự" và "5 cùng"	241												90			115		36
	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025"	84												18			30		36

STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	La Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Ia Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình tri thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng Nông thôn mới	125															35		90
	Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”	80															80		
9	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn	12.578													270		3.847		8.461
	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	1.722													270		200		1.252
	Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao.	10.856															3.647		7.209
10	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	362	50			50		45				20					152		45
	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình	230	50			50		45				20					20		45



STT	Nội dung	Tổng	Kbang	Chư Păh	Is Grai	Đak Đoa	Chư Pưh	Chư Sê	AyunPa	An Khê	Pleiku	Đak Pơ	Chư Prông	Phú Thiện	Is Pa	Krông Pa	Mang Yang	Kong Chro	Đức Cơ
	Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng Nông thôn mới các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở	100															100		
	Nội dung 03: Đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng Nông thôn mới	32															32		
	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng Nông thôn mới																		
	Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới"																		
11	Duy tu, bảo dưỡng	52.993	7.250	2.700	8.680	5.750		1.800	2.952	4.481	1.418	2.120	2.193	5.724	3.753	2.422	750	1.000	